

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 185/2024/HS-ST  
Ngày: 10-9-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Thái Bình Hòa

Ông Ngô Xuân Khanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2002 tại tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Phụ giúp gia đình; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thuận P và bà Phạm Thị Thanh D; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/9/2023, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc (đã chấp hành án xong); bị bắt, tạm giam ngày 23/8/2024; có mặt.

- **Bị hại:**

1. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 3, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Công ty TNHH phát triển bất động sản S; Trụ sở: Số 157, đường L, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Lê Hoàng Danh P, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/9/2024); có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967; nơi cư trú: Căn hộ E4-01, khu V, Khu phố 3, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 2004; nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

4. Ông Nguyễn Thuận P, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

5. Ông Trần Văn T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Xóm L, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

7. Chị Trần Thị Thanh X, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Lê Thăng L, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 351, đường N, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

9. Bà Lê Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 3, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 11/2019, Nguyễn Ngọc H là nhân viên môi giới bất động sản của Công ty TNHH phát triển bất động sản S (viết tắt là Công ty S); đến tháng 12/2020, H được bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng kinh doanh; ngày 29/7/2022, H nghỉ việc.

Khoảng đầu tháng 02/2022, bà Lê Thị T đến Công ty S có trụ sở tại phường H, thành phố T để tìm hiểu Dự án Khu nhà ở S, có địa chỉ tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng; bà T được H giới thiệu thửa đất số LKL, Ô số 17 (viết tắt là thửa LKL-17) có diện tích 95m<sup>2</sup> của dự án có giá 926.000.000 đồng; bà T đồng ý mua thửa đất này; theo thỏa thuận thì bà T đặt cọc 30.000.000 đồng và trong thời hạn 02 tháng, bà T phải thanh toán tiếp số tiền 35% trị giá thửa đất (tương đương 324.000.000 đồng), bà T có thể ký gửi để Công ty S bán lại thửa LKL-17 cho người khác để hưởng tiền chênh lệch.

Ngày 25/02/2022, bà T đến trụ sở Công ty S đặt cọc, do Công ty S có sự điều chỉnh lại giá của các thửa đất (trong đó có thửa LKL-17), nhưng H chưa kịp cập nhật để báo lại cho bà T biết, H nói với anh Nguyễn Ngọc K (em ruột của H cũng là nhân viên của Công ty S) tạm lập thỏa thuận đặt cọc với nội dung: Bà T đặt cọc 30.000.000 đồng mua thửa đất ở vị trí thửa LKC, Ô số 21 (viết tắt là thửa LKC-21) có diện tích 102m<sup>2</sup> với giá 867.000.000 đồng. Lúc này, H không nói cho bà T biết việc H tự ý thay đổi việc bà T đặt cọc từ thửa LKL-17 sang thửa LKC-21, mà H dự định chờ Công ty S điều chỉnh giá sẽ tư vấn cho bà T. Sau khi nhận cọc 30.000.000 đồng của bà T, H giao cho kế toán của Công ty S.

Khi Công ty S điều chỉnh lại giá, H không thông báo cho bà T biết để thay đổi nội dung đặt cọc từ thửa LKL-17 sang thửa LKC-21. Ngày 19/5/2022, Công ty S ký Hợp đồng số 1172-190522/HĐNT/BĐSSG bán thửa LKL-17 cho ông Trần Văn T với giá 983.910.535 đồng. Việc Công ty S bán thửa LKL-17 cho ông Trần Văn T, H biết rõ.

Khi hết thời hạn đặt cọc 02 tháng, do bà T chưa có tiền thanh toán đợt tiếp theo, bà T cũng không biết Công ty S đã bán thửa LKL-17 cho ông T, nên nhờ H xin Công ty S gia hạn thêm 01 tháng sẽ thanh toán. Lúc này, H biết bà T không bị mất tiền cọc, vì Công ty S sẽ trả lại tiền đặt cọc cho khách, nếu khách hàng không đủ điều kiện tiếp tục thanh toán; tuy nhiên, do cần tiền nên H nói với bà T đặt cọc thêm 20.000.000 đồng để được gia hạn; tin lời H, ngày 28/5/2022 bà T chuyển khoản cho H 20.000.000 đồng, H chiếm đoạt số tiền này và tiêu xài hết.

Khoảng cuối tháng 6/2022, bà T liên hệ với H nói muốn bán thửa LKL-17 cho bà Hoàng Thị V để hưởng tiền chênh lệch. H biết thửa LKL-17 ông Trần Văn T đã mua, nhưng H nảy sinh ý định làm giả con dấu, hợp đồng để chiếm đoạt tiền của bà V. Tiếp đó, H nói với bà T nếu muốn bán thửa LKL-17 cho bà V, thì phải thanh toán số tiền 35% trị giá của thửa đất, bà T đồng ý.

Ngày 26/6/2022, H lên mạng xã hội liên hệ với một người (H không biết nhân thân, lai lịch) đặt làm giả 01 con dấu của Công ty S; sau đó, H chụp hình mẫu dấu thật của Công ty S trong các hợp đồng và gửi cho người này làm giả con dấu với giá 2.000.000 đồng. Khoảng 12 giờ ngày 27/6/2022, H đến gặp người nam (không rõ nhân thân, lai lịch) tại Khu phố 1, phường H, thành phố Thủ Dầu Một nhận con dấu giả rồi đưa 2.000.000 đồng cho người này. Sau đó, H tự làm giả Hợp đồng số 7853-60521/HĐNT/BĐSSG giả các thông tin, chữ ký của ông Nguyễn Văn Q – Tổng giám đốc Công ty S và đóng con dấu đã làm giả vào hợp đồng để chờ bà V ký.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 30/6/2022, H dẫn bà T và bà V đến xem vị trí thửa LKL-17; trước khi xem đất, bà T nhờ H nói với bà V giá của thửa đất là 1.050.000.000 đồng, đặt cọc 50.000.000 đồng, thanh toán trước 50% trị giá thửa đất, số tiền còn lại trả góp trong vòng 02 năm, để bà T hưởng chênh lệch đầu tư lướt sóng (tức là bà T thanh toán 35% theo thỏa thuận mua thửa LKL-17 với giá 926.000.000 đồng, còn bà V thanh toán 50% theo thỏa thuận mua thửa LKL-17 với giá 1.050.000.000 đồng). Sau đó, H nói với bà V theo lời của bà T, bà V đồng ý mua thửa LKL-17 với giá và hình thức thanh toán như H đưa ra. Khoảng 15 giờ 10 phút cùng ngày, bà V nhờ anh Nguyễn Văn Q (cháu bà V) chuyển khoản 20.000.000 đồng cho H; đến khoảng 18 giờ

30 phút cùng ngày, bà V đưa cho bà T 30.000.000 đồng (tiền bà T đã bỏ ra đặt cọc mua thửa LKL-17).

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/7/2022, bà T gặp H tại một quán cà phê trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, bà T đưa cho H 224.000.000 đồng. Tổng cộng H đã nhận 324.000.000 đồng (trong đó có 50.000.000 đồng của bà T và 50.000.000 đồng của bà V đã đặt cọc) tương đương với 35% trị giá thửa LKL-17. Sau đó, bà T nói với bà V là bà T đã thanh toán trước 380.000.000 đồng cho Công ty S, khi nào bà V ký hợp đồng thì trả lại tiền cho bà T.

Ngày 04/7/2022, bà V đến trụ sở Công ty S gặp H, H đưa Hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác hình thành trong tương lai số 7853-60521/HĐNT/BĐSSG đề ngày 01/7/2022 (H đã làm giả trước đó) cho bà V xem; sau khi xem xong, bà V ký vào hợp đồng. Ngày 05/7/2022, bà V nhờ chị Trần Thị Thanh X (con gái bà V) chuyển cho bà T lần đầu 300.000.000 đồng và lần thứ hai là 80.000.000 đồng theo thỏa thuận giữa bà V và bà T (bà T lời được 136.000.000 đồng từ việc đầu tư lướt sóng, trong đó có 50.000.000 đồng đã bỏ ra đặt cọc cho H). Ngày 14/10/2022, bà V nhờ chị X chuyển vào tài khoản của H 30.000.000 đồng; ngày 29/11/2022, bà V chuyển tiếp 30.000.000 đồng cho H để thanh toán đợt 2.

Ngày 06/12/2022, bà V đến trụ sở Công ty S để hỏi về việc giao dịch mua bán thửa LKL-17. Lúc này, Công ty S cho bà V biết H đã nghỉ việc từ ngày 29/7/2022; thửa LKL-17, Công ty S đã bán cho ông Trần Văn T vào ngày 19/5/2022; còn thửa LKC-21, H nhận cọc của bà T, Công ty S đã bán cho anh Nguyễn Lê Thăng L vào ngày 25/7/2022, do bà T vi phạm thanh toán theo thỏa thuận.

Ngày 08/12/2022, bà V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương nộp đơn tố giác hành vi lừa đảo của Nguyễn Ngọc H. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 07/01/2023, Nguyễn Ngọc H đến Công an thành phố Thủ Dầu Một đầu thú và giao nộp 01 con dấu màu đỏ, hộp hình vuông hiệu Dstamp, có khắc dấu hình tròn chữ “Công ty TNHH PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN LAND\* M.S.D.N: 0314926063-C.T.T.N.H.H\* Q.BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH\*”.

Tại Kết luận giám định số 38/KL-KTHS(TL) ngày 13/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ ký mang tên “Nguyễn Văn Q” và hình dấu tròn có nội dung: “\*M.S.D.N: 0314926063- C.T.T.N.H.H \* Q.BÌNH THẠNH-T.P HỒ CHÍ MINH-CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN LAND” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 và A2) so với chữ ký của Nguyễn Văn Q và hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) không phải do cùng một người ký và con dấu đóng ra.

Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc H thừa nhận đã chiếm đoạt của bà T số tiền 20.000.000 đồng và Làm giả hợp đồng chiếm đoạt của bà V số tiền 354.000.000 đồng.

Ngày 10/01/2023, ông Nguyễn Thuận P (cha ruột H) bồi thường cho bà T và bà V tổng số tiền H chiếm đoạt là 354.000.000 đồng, bà T và bà V không yêu cầu H bồi thường thêm và làm đơn xin bãi nại cho H. Ngày 26/7/2023, Công ty S đã trả lại cho

bà T 30.000.000 đồng đặt cọc. Đối với 136.000.000 đồng bà T lời từ việc bán đất cho bà V, bà T đã trả lại cho bà V.

Vật chứng chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một: 01 mẫu dấu màu đỏ, hộp hình vuông hiệu Dstamp.

Tại Cáo trạng số 123/CT-VKSTDM ngày 13/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H để xét xử về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung; về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, nên không đề nghị; về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý mẫu dấu đã thu giữ của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị.

Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tuy nhiên, việc khởi tố, điều tra và truy tố không đúng điểm, khoản của Điều luật mà Bộ luật Hình sự quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Ngày 28/5/2022, tại Công ty S, địa chỉ số 157, đường L, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, Nguyễn Ngọc H đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt 20.000.000 của bà Lê Thị T;

đồng thời, H đã có hành vi đặt làm giả con dấu, làm giả hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác hình thành trong tương lai số 7853-60521/HĐNT/BĐSSG ngày 01/7/2022 của Công ty S để chiếm đoạt 354.000.000 đồng của bà Hoàng Thị V, tổng số tiền H chiếm đoạt của bà T và bà V là 374.000.000 đồng. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhận thức, bị cáo biết việc đặt làm giả con dấu, làm giả hợp đồng và đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại là vi phạm pháp luật, nhưng vì tư lợi và ý thức chấp hành pháp luật kém, nên bị cáo đã thực hiện; do đó, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan nhà nước; gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, phải có mức hình phạt tương xứng, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, cũng như để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Phạm tội 02 lần trở lên (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại; các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và sau khi phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (điểm b áp dụng đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản) Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, nên đề nghị của Viện Kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng, đúng pháp luật. Do bị cáo không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[7] Đối bà Lê Thị T, khi giới thiệu và chuyển nhượng lại thửa LKL-17 cho bà V để hưởng tiền chênh lệch, không biết H đã đưa ra thông tin gian dối, làm giả hợp đồng và làm giả con dấu nhằm chiếm đoạt tiền của bà nên Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Thuận P (cha ruột H) đã bồi thường xong cho các bị hại, các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, nên không đặt ra xem xét.

[9] Về người làm giả con dấu cho bị cáo, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch; Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[10] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy mẫu dấu mà bị cáo đã đặt làm giả.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 260, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt của hai tội: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/8/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/01/2023 đến ngày 13/01/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 mẫu dấu màu đỏ, hộp hình vuông hiệu Dstamp, có khắc dấu hình tròn chữ “Công ty TNHH PHÁT TRIỂN BẮT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN LAND\* M.S.D.N: 0314926063 - C.T.T.N.H.H\* Q.BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH\*”

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 015.24 ngày 30/10/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một).*

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Trường**